

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**PHỤ LỤC I**

**Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày / /2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>	<b>Tỷ lệ hao mòn (% năm)</b>
<b>Loại 1</b>	<b>Quyền tác giả</b>		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật, nhiếp ảnh, khoa học	25	4
2	Tác phẩm báo chí	25	4
3	Tác phẩm âm nhạc	25	4
4	Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
5	Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng	25	4
6	Tác phẩm kiến trúc	25	4
7	Quyền tác giả khác	25	4
<b>Loại 2</b>	<b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>		
1	Bằng phát minh, sáng chế	20	5
2	Giải pháp hữu ích	10	10
3	Kiểu dáng công nghiệp	10	10
4	Nhãn hiệu	10	10
5	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
<b>Loại 3</b>	<b>Quyền đối với giống cây trồng</b>		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
<b>Loại 4</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
<b>Loại 5</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)</b>	5	20